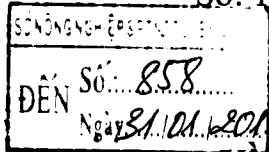


Số: 1604/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 12 năm 2018



QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3177/QĐ-BNN-QLCL ngày 09/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 4660/QĐ-BNN-KTHT ngày 26/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

(Có danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

2. Bãi bỏ thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, cụ thể:

- Khoản 3, 4 Mục I, Phần C (Lĩnh vực Quản lý chất lượng), Phụ lục I (Danh mục thủ tục hành chính) và Phụ lục II (Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính) ban hành kèm theo Quyết định số 1641/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực lâm nghiệp, phát triển nông thôn, quản lý chất lượng.

- Khoản 27, 28 Mục IV (Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản), Phụ lục I hành kèm theo Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sau khi nhận được Quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, triển khai thực hiện ngay các nội dung sau:

1. Công khai tại trụ sở làm việc và trên Trang thông tin điện tử của Sở theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện hiện đăng tải đầy đủ Quyết định số 3177/QĐ-BNN-QLCL, Quyết định số 4660/QĐ-BNN-KTHT và Danh mục, nội dung cụ thể của 02 thủ tục hành chính nêu tại khoản 1, Điều 1 Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, địa chỉ: www.tuyenquang.gov.vn

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở; Thủ trưởng Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Cục KSTTHC-VPCP; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh; (báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3; (thực hiện)
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Phòng Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (H).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Quang

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)



A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (01 thủ tục)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ bưu chính công ích	
						Thực hiện	Không thực hiện
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN							
1	Hỗ trợ dự án liên kết	<p>- Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận được đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập hội đồng và tổ chức thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt.</p> <p>- Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ đầu tư dự án liên kết được biết.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết.</p>	Sở Nông nghiệp và PTNT, địa chỉ: Số 108, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	x	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (01 thủ tục)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Qua dịch vụ bưu chính công ích	
						Thực hiện	Không thực hiện
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN							
1	Hỗ trợ dự án liên kết	<p>- Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận được đủ hồ sơ, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế thành phố) thành lập hội đồng và tổ chức thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế thành phố) trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt.</p> <p>- Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế thành phố) phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ đầu tư dự án liên kết được biết.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế thành phố), Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết.</p>	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế thành phố).	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.	x	